TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2025/HS-PT
Ngày: 18-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Vương Minh Tâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Tú Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Nguyệt Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 1185/2024/TLPT-HS ngày 25/12/2024, đối với bị cáo Nguyễn Hữu T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 534/2024/HS-ST ngày 18/11/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2024.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Họ và tên: **Nguyễn Hữu T** (tên gọi khác: T1), sinh năm 1989 tại tỉnh Sóc Trăng; Giới tính: nam; Nơi đăng ký thường trú: X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: 4, Tổ F, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Nguyễn Hữu T2 và bà Nguyễn Thị Ú; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; Bắt, tạm giam: 25/3/2023 (có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* Bà **Nguyễn Bá Phương A**, sinh năm 2003; Địa chỉ: 5 đường L, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Trần Kim T3, Đỗ Xuân K, Nguyễn Ngọc T4, Trần Trọng N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Toà án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 03/02/2023, Công an P, quận G nhận được điện thoại của bị cáo Trần Hữu T5 gọi đến tố giác bà Nguyễn Bá Phương A có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Theo thông tin do T5 cung cấp, Công an P, quận G đã tiến hành kiểm tra đối với bà A khi bà A đang dừng xe mô tô Honda SH Mode biển số 59G1-67031 tại trước nhà số E đường L, Phường A, quận G. Trong quá trình kiểm tra, đã phát hiện và thu giữ của bà A 1,3114g Methamphetamine để trong cốp xe mô tô; 0,6093g Methamphetamin để trong 02 bịch bánh tráng, treo ở tay lái bên trái xe mô tô; 1,3171g Methamphetamine để trong ví da treo cùng chìa khóa cắm trong khóa điện xe mô tô.

Khi tiến hành khám xét chỗ ở của bà A tại nhà số F, Tổ F, khu phố D, phường T, Quận A, Cơ quan công an thu giữ được tại đây 1,7402g Methamphetamine (BL.71, 437-438).

Tuy nhiên, theo kết quả điều tra thì bà A không liên quan đến tội phạm về ma túy; số ma túy thu giữ được như đã nêu là của T5 mua của Trần Kim T3, T5 rủ Đỗ Xuân K tham gia cất giấu ma túy rồi lén lút để ma túy vào nhà và xe mô tô của bà A, với mục đích vu khống bà A.

Vào lúc 20 giờ 45 phút ngày 24/3/2023, Tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố H phát hiện bị cáo T3 đang đứng trước nhà số C L, phường T, Quận A nên đã tiến hành kiểm tra thì phát hiện: Trong túi quần bên phải của T3 đang mặc có 14 viên nén màu xám và 02 mảnh vụn viên nén màu xám là ma túy, có tổng khối lượng là 6,8953g, ma túy loại MDMA. Tổ công tác đã lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T3, thu giữ vật chứng đã đề cập (BL.112-114).

Lúc 22 giờ 30 phút ngày 24/3/2023, Tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Thành phố H phối hợp Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận G và Công an P1, quận G tiến hành kiểm tra hành chính chỗ ở của T3 tại Phòng số 03, nhà số F, Đường số B, Phường E, quận G. Vào thời điểm kiểm tra có mặt Nguyễn Ngọc T4 và Trần Trọng N ở trong phòng, T4 giao nộp cho Tổ công tác 0,1026g Methamphetamine và khai rằng đây là ma túy mà T4 và N mua của T3 để sử dụng chung. Tổ công tác đã lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T4 và N, thu giữ vật chứng (BL.107-110).

Cùng thời điểm 22 giờ 30 phút ngày 24/3/2023, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của T3 tại Phòng trọ số 03, nhà số F, Đường số B, Phường E, quận G, thu giữ được tại đây 32,605g ma túy loại Methamphetamine (BL.103).

Ngày 25/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với T5 và K (BL.347-357).

Khối lượng, chất dạng ma túy thu giữ đã được đề cập ở các phần trên được xác định theo các Kết luận giám định số 1159/KL-KTHS ngày 10/02/2023; số 1183/KL-KTHS ngày 13/02/2023; số 2799/KL-KTHS, số 2800/KL-KTHS và số 2801/KL-KTHS cùng ngày 31/3/2023 của Phòng K1 Công an Thành phố H (BL.80, 81, 120, 124, 128).

Căn cứ kết quả điều tra, xác định được như sau:

Năm 2021, thông qua sự giới thiệu của ông Phạm Thành T6, T5 quen biết bà A làm nghề kinh doanh chó, mèo, cư trú tại số F, Tổ F, khu phố D, phường T, Quận A. Đến tháng 01/2023, T5 và bà A phát sinh mâu thuẫn, T5 cho rằng bà A đã nhắn tin với ông T6 có nội dung không đúng, làm mất uy tín của T5. Vào ngày 30/01/2023, T5 kể lại sự việc mâu thuẫn với bà A cho K nghe và bàn với K về việc trả thù bà A bằng cách mua ma túy để vào nhà và xe của bà A rồi tố giác với Cơ quan Công an. K đồng ý.

Để thực hiện ý định đã nêu, vào ngày 30/01/2023, K tạo tài khoản Facebook tên "Trần Thị Mỹ H" và gửi tin nhắn đến tài khoản Facebook "Nguyễn Phương A1" của bà A, đặt mua 01 con chó với giá 6.500.000 đồng. Sau đó, thông qua nền tảng G, T5 đặt mua 02 gói Methamphetamine của T3 với giá 600.000 đồng. T5 bảo K mua 02 bịch bánh tráng trộn, rồi bỏ 02 gói ma túy vào trong 02 bịch bánh tráng trộn và giao cho K cất giữ. Ngày 31/01/2023, T5 đặt mua thêm 10 gói Methamphetamine của T3 với giá 2.800.000 đồng, thỏa thuận giao ma túy theo số điện thoại và địa chỉ của K. Ngày 01/02/2023, T3 giao ma túy cho K, K trả tiền cho T3. Sau đó, K giao lại ma túy cho T5, T5 trả lại tiền mua ma túy cho K.

Lúc 05 giờ ngày 02/02/2023, T5 mang 10 gói ma túy đến nhà bà A ở địa chỉ số F, Tổ F, Khu phố D, phường T, Quận A. Khi đến nơi, T5 nhìn thấy ở tầng trệt không có người, cửa cổng ngoài sân và cửa nhà không khóa, chiếc xe mô tô Honda SH Mode mang biển số 59G1-67031 của bà A thì dựng trong nhà, chìa khóa xe thì cắm trong ổ khóa điện của xe. Thêm đi vào nhà, bỏ 03 gói ma túy vào trong cốp xe, bỏ 03 gói ma túy vào ví da treo cùng chìa khóa đang cắm trong ổ khóa điện của xe; lấy 04 gói ma túy để vào ô thông gió trên cửa nhà vệ sinh tại tầng trệt (phía sau phòng khách). Sau đó, T5 đi về.

Ngày 02/02/2023, T5 nhờ người quen là bà Hà Thị Kim N1 đến cửa hàng Thú Cưng của bà A trên đường L, Quận A, đưa cho bà A 500.000 đồng tiền đặt cọc mua chó. Sau đó, K sử dụng tài khoản Facebook "Trần Thị Mỹ H" gửi tin nhắn đến tài khoản Facebook "Nguyễn Phương A1" của bà A, hẹn giao chó cho K vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 03/02/2023, tại trước nhà số E L, Phường A, quận G và nhờ bà A khi đi đến khu vực chân cầu C, Quận A thì nhận giúp 02 bịch bánh tráng trộn do K đã đặt mua của người phụ nữ. Bà A đồng ý. Đến sáng ngày 03/02/2023, T5 nhờ người quen là bà Nguyễn Thị Kim C mang 02 bịch bánh tráng trộn đến khu vực chân cầu C, Quận A để giao cho người quen; bà C đồng ý. Sau đó, T5 chở bà C đến quán cà phê ở gần khu vực cầu T, quận G. Tại đây,

K đưa cho bà C 02 bịch bánh tráng trộn bên trong có 02 gói ma túy. Bà C mang 02 bịch bánh tráng trộn vừa nêu đến khu vực chân cầu C, Quận A giao cho bà A; còn T5 và K thì ở lại quán cà phê. Sau khi nhận được 02 bịch bánh tráng trộn, bà A điều khiển xe mô tô Honda SH Mode biển số 59G1-67031 đi đến trước nhà số E L, Phường A, quận G, rồi nhắn tin cho K biết để K đến nhận chó và 02 bịch bánh tráng trộn. Lúc này, T5 gọi điện thoại đến Công an P, quận G tố giác bà A có hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy".

Từ tháng 02/2023, T3 đã nhiều lần mua ma túy của những không rõ lai lịch có tên gọi là A, K và X, để bán lại cho người khác, trong đó có T5, T4 và N, cụ thể như sau:

- Ngày 30/01/2023, T3 bán cho Thêm 0,6093g Methamphetamin (02 gói), giá 600.000 đồng;

- Ngày 01/02/2023, T3 bán cho T5 4,3687g Methamphetamine (10 gói), giá 2.800.000 đồng;

- Trước khi bị phát hiện khoảng 07 ngày, T3 đã bán cho T4 0,3g Methamphetamine, giá 300.000 đồng;

- 19 giờ ngày 24/3/2023, T4 và N đi đến chỗ ở của T3 tại Phòng trọ số 03, nhà số F, Đường số B, Phường E, quận G mua ma túy để sử dụng. Lúc này, T3 lấy bộ dụng cụ và ma túy loại Methamphetamine của T3 cho T4 và N cùng sử dụng chung với T3. Sau đó, T3 bán cho T4 và N 01 gói ma túy có khối lượng 0,1026g loại Methamphetamine nhưng T3 chưa lấy tiền. Tiếp theo đó, T3 lấy 6,8953g MDMA mang đi giao cho người mua, còn T4 và N vẫn ở tại phòng trọ của T3 thì bị công an bắt giữ. Số ma túy 32,605g Methamphetamine thu giữ tại chỗ ở của T3 có nguồn gốc do T3 mua của K (không rõ lai lịch), T3 cất giấu để bán cho người khác. T3 đã thu lợi 2.100.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Trần Kim T3, Nguyễn Hữu T, Đỗ Xuân K, Nguyễn Ngọc T4 và Trần Trọng N khai nhận hành vi phạm tội như trên, phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác (BL 295-323, 347-357, 367-382, 390-400, 408-419).

Ngoài vật chứng là ma túy thu giữ như đã được nêu, trong quá trình điều tra, cơ quan công an còn thu giữ một số vật chứng, đồ vật liên quan như sau:

Thu giữ của Trần Kim T3 (BL.104-112): 01 xe đạp điện hiệu ASAMA; 01 điện thoại di động hiệu Samsung; 01 điện thoại di động hiệu OPPO; 01 Căn cước công dân tên Trần Kim T3; 01 thẻ ATM Ngân hàng A2 (T3 khai nhặt được); 01 cân điện tử hiệu Marllono; 01 cân điện tử hiệu Battery; 01 hộp nhựa màu vàng đồng và 01 bịch nylon chứa nhiều gói nylon nhỏ.

Thu giữ của Nguyễn Hữu T: 01 điện thoại di động hiệu Iphone; 01 xe mô tô hiệu Honda SH biển số 83P3-656.37.

Thu giữ của Đỗ Xuân K: 01 điện thoại di động hiệu Iphone.

Thu giữ của Nguyễn Ngọc T4: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng.

Thu giữ của Trần Trọng N (BL.117): 01 điện thoại di động hiệu Redmi; 01 xe mô tô (không rõ nhãn hiệu) biển số 71B3-048.46.

Thu giữ của bà A (BL.440): 01 ví da nữ màu nâu; 01 xe mô tô hiệu Honda SH Mode biển số 59G1-670.31.

Thu giữ của ông Nguyễn Thành D: 600.000.000 đồng.

Về mặt dân sự: Bà A không yêu cầu T và K bồi thường thiệt hại (BL.424 - 435).

Đối với những người tên A, K và X (những người bán ma túy cho T3) và những người mua ma túy của T3 (ngoài T, Trong và N) là những người không rõ lai lịch nên không có cơ sở xem xét xử lý.

Đối với bà N1 và bà C: Cả hai người đều không biết hành vi phạm tội của T và K nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý.

Ngoài ra, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, do lo sợ bị phát hiện và bị bắt giữ, vào ngày 05/02/2023, T đã kể lại sự việc cho bà Phan Thị Thanh H1 nghe và nhờ H1 giúp đỡ để không bị bắt giữ. Bà H1 đã giới thiệu ông Nguyễn Thành D cho T. Ngày 20/3/2023, theo yêu cầu của T, bà H1 đã cho T vay 600.000.000 đồng và chuyển tiền đến tài khoản của ông D để ông D liên hệ ông Võ Thành L (Trưởng Công an P2, quận G) giúp đỡ Thêm. Tuy nhiên, sau đó thì sự việc Thêm phạm tội đã bị phát hiện. Ngày 24/3/2023, ông D đã giao nộp 600.000.000đ cho Cơ quan công an. Ngày 25/3/2023, T bị bắt giữ. Căn cứ kết quả ghi lời khai, kết quả đối chất và các tài liệu thu thập được, không có cơ sở vững chắc để xác định bà H1, ông D và ông L đã phạm tội "Môi giới hối lộ" nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý (BL.619 - 634).

Tại bản Cáo trạng số 620/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 24/9/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Trần Kim T3 về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm h khoản 3 Điều 251 và điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự); truy tố Nguyễn Hữu T và Đỗ Xuân K về tội "Vu khống" và tội "Vận chuyển trái phép chất ma tuý" theo điểm a khoản 3 Điều 156 và điểm b khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Ngọc T4 và Trần Trọng N về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 534/2024/HS-ST ngày 18/11/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 156, điểm b khoản 2 Điều 250, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Vu khống" và 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Vận chuyển trái phép chất ma tuý", tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình chung là 11 (mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/3/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danhh và hình phạt đối với các bị cáo Trần Kim T3, Đỗ Xuân K, Nguyễn Ngọc T4 và Trần Trọng N; về xử lý vật chứng, về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 22/11/2024, bị cáo Nguyễn Hữu T kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại cho đúng bản chất vụ án và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Hữu T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống như bản án sơ thẩm đã xét xử. Bị cáo T xác định bị cáo không kháng cáo đối với tội "Vu khống". Bị cáo cho rằng mục đích của bị cáo mua ma tuý và đem đến nhà bà A chỉ nhằm mục đích cuối cùng là để trả thù bà A, do đó hành vi này cuả bị cáo chỉ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý". Bị cáo có cha già 81 tuổi, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có bà ngoại là Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo T làm trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

2. Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo T:

- Về tội danh: Để trả thù bà A, bị cáo T đã bàn bạc, thống nhất với bị cáo Đỗ Xuân K và 02 lần mua của bị cáo Trần Kim T3 12 gói ma tuý loại Methamphetamine, có tổng trọng lượng 4,978 gam; cho 02 gói ma tuý vào 02 bịch bánh tráng và giao cho K cất giữ và chỉ đạo K nhờ bà Nguyễn Thị Kim C giao cho bà A; 10 gói ma tuý còn lại bị cáo T mang đến nơi ở của bà A tại số F tổ F, khu phố D, phường T, Quận A bỏ vào ô thông gió nhà vệ sinh, cốp xe máy và bóp treo chìa khoá xe máy. Với các hành vi nêu trên bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo T về các tội "Vận chuyển trái phép chất ma tuý" và "Vu khống" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 156, điểm b khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

- Về hình phạt: Khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo T và mức án mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo T không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra về hành vi "Đưa hối lộ" của bị cáo T, hành vi "Môi giới hối lộ" của các đối tượng Phạm Thị Thanh H2,

Nguyễn Thanh D1, hành vi "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi" của đối tượng Võ Thành L.

Bị cáo T trình bày ý kiến tranh luận: Bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh "Vận chuyển trái phép chất ma tuý".

Bà A trình bày ý kiến: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo T xin lỗi bà A và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu T làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo T, nhận thấy:

[2.1] Về tội danh:

Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo T tại phiên toà phúc thẩm là phù hợp với lời khai của chính bị cáo, lời khai của các bị cáo Đỗ Xuân K, Trần Kim T3 và lời khai của bà Nguyễn Thị Kim C trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử ở cấp sơ thẩm; đồng thời phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được tranh luận công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ pháp lý để kết luận:

Vì cho rằng bà Nguyễn Bá Phương A nói xấu T, bảo ông Phạm Thành T6 (là bạn của T) không tiếp tục chơi với T nên giữa T và bà A có mâu thuẫn với nhau. Do đó, bị cáo T nảy sinh ý định trả thù Anh bằng cách mua ma túy bỏ vào xe máy và nơi ở của bà A để vu khống bà A mua bán trái phép chất ma túy. Thêm đã cho K biết ý định của mình và rủ K tham gia thực hiện thì được K đồng ý. Sau khi bàn bạc và thống nhất ý chí, T đã 02 lần mua của bị cáo T3 tổng cộng 12 gói ma túy loại Methamphetamine, có tổng khối lượng là 4,978g. Lần thứ nhất, T trực tiếp mua của T3 02 gói ma túy, bỏ vào 02 bịch bánh tráng trộn rồi đưa cho K mang về nơi ở của K cất giấu. Lần thứ 2, T mua của T3 10 gói ma túy, nhưng yêu cầu T3 giao ma túy cho K tại nơi ở của K, sau khi nhận được ma túy do T3 giao, K mang ma túy đến nơi ở của T giao cho T.

Vào ngày 02/02/2023, T mang 10 gói ma túy còn lại từ nơi ở của T đến nơi ở của bà A tại nhà 61/35/17, tổ F, Khu phố D, phường T, Quận A, bỏ vào ô thông gió nhà vệ sinh, cốp xe máy và bóp treo với chìa khóa xe. Ngày 03/02/2023, T chỉ đạo K mang 02 bịch bánh tráng trộn co01 chứa ma tuý rồi nhờ bà C mang đi giao cho bà A để vu khống bà A mua bán trái phép chất ma túy.

Bị cáo T là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, bị cáo ý thức được việc vu khống người khác và dịch chuyển vị trí đối với ma tuý là phạm tội, nhưng vì động cơ muốn trả thù bà A, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với

lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm nhân phẩm, danh dự của bà A; xâm phạm chính sách quản lý độc quyền của N2 về các chất ma tuý. Với các hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo T về tội *"Vu khống"* với tình tiết định khung tăng nặng *"Vì động cơ đê hèn"* và tội *"Vận chuyển trái phép chất ma tuý"* với tình tiết định khung tăng nặng *"Phạm tội 02 lần trở lên"*, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 156, điểm b khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét ý kiến của bị cáo T cho rằng hành vi dùng ma tuý để vu khống bà A là chỉ phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", nhận thấy:

Theo quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự thì người tàng trữ trái phép chất ma túy không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hoặc sản xuất trái phép chất ma túy thì mới bị xử lý về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Theo quy định tại Điều 250 Bộ luật hình sự thì người nào vận chuyển trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích sản xuất, mua bán, tàng trữ trái phép thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy".

Trong vụ án này, các bị cáo T và K đã có hành vi mua ma túy cất giữ, vận chuyển từ nơi này đến nơi khác (từ nơi ở của K đến nơi ở của của T và ngược lại, vận chuyển từ nơi ở của T đến nhà bà A).

Như vậy, điều luật chỉ loại trừ các trường hợp vận chuyển trái phép chất ma túy nhằm mục đích sản xuất, mua bán và tàng trữ thì mới không bị xử lý về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" mà sẽ bị xử lý về tội khác tương ứng với mục đích của người vi phạm. Ngoại trừ 3 trường hợp đã nêu thì người có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" với bất kỳ mục đích gì. Do vậy, bản án sơ thẩm xét xử bị cáo T về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" là đúng pháp luật.

[2.2] Về hình phạt:

Khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã xem xét tính chất nguy hiểm của hành vi, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Cụ thể, bị cáo T có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; đồng thời bị cáo bị nhiễm HIV, do đó bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và tuyên phạt bị cáo T tổng cộng 11 năm tù cho cả 02 tội là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với tính chất nguy hiểm của hành vi.

Bị cáo T không xuất trình được họ tên, quan hệ và giấy chứng nhận Bà mẹ Việt Nam Anh Hùng của người mà bị cáo gọi là ngoại, do đó không có căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo.

Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm bà A có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, nhưng như đã nhận định ở trên mức án mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp với tính chất nguy hiểm của hành vi của bị cáo, do đó không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3] Từ những phân tích nêu trên xét thấy tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo T không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới so với cấp sơ thẩm, do đó kháng của bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[5] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bà A có đơn yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại tổng cộng 150 triệu đồng. Xét thấy tại cấp sơ thẩm bà A không yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại nên bản án sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà A có quyền khởi kiện bị cáo T để yêu cầu bồi thường thiệt hại bằng một vụ án dân sự khi có yêu cầu.

[6] Đối với kiến nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm: Xét thấy kiến nghị này là có căn cứ nên Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ hành vi "Đưa hối lộ" của bị cáo T, hành vi "Môi giới hối lộ" của các ông bà H2, D1 và hành vi "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi" của ông L.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu T.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 534/2024/HS-ST ngày 18/11/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu T phạm các tội "Vu khống" và "Vận chuyển trái phép chất ma túy".

[2] Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 156, điểm b khoản 2 Điều 250, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Vu khống" và 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Vận chuyển trái phép chất ma tuý". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo T phải chấp hành hình chung của 02 tội là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/3/2023.

[3] Tạm giam bị cáo Nguyễn Hữu T 45 (bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo thi hành án.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Hữu T phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày thời hạn hết kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công **Vương Minh Tâm** **Võ Văn Khoa**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Công an Thành phố Hồ Chí Minh
- Trại tạm giam Công an Thành phố Hồ Chí Minh (để tống đạt cho bị cáo);
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Khoa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Công an Thành phố Hồ Chí Minh (để tống đạt cho bị cáo);
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Khoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Phạm Văn Công

Vương Minh Tâm

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Khoa